BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4550** /QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển xếp loại, chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức và người lao động thuộc chuyên ngành khoa học và công nghệ

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5906/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển xếp loại, chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với các Kỹ thuật viên (mã số V.05.02.08) có trình độ cao đẳng trở lên đang xếp bảng lương loại B sang bảng lương loại A0 (Có danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này thay thế số thứ tự 8, 24 trong danh sách kèm theo Quyết định số 3865/QĐ-HVN ngày 05 tháng 8 năm 2025; số thứ tự 7, 20, 48, 64, 65, 74, 82, 95 trong danh sách kèm theo Quyết định số 1450/QĐ-HVN ngày 03 tháng 4 năm 2026; số thứ tự 36, 83, 146, 217, 255, 263, 248 trong danh sách kèm theo Quyết định số 3142/QĐ-HVN ngày 02 tháng 7 năm 2026; số thứ tự 1, 14, 19 trong danh sách kèm theo Quyết định số 3608/QĐ-HVN ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ NN và MT (để b/c);
- Lưu VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lan

DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Được chuyển loại và xếp lương theo Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ

(Kèm theo Quyết định số **4550** /QĐ-HVN ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

STT	Họ và tên	Mã	Đơn vị	Trình độ	Mã số ngạch/ chức danh	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước ngày 15/02/2025				Xếp lương theo Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ					Ghi chú
						Loại	Bậc trong ngạch/ chức danh	Hệ số lương	Thời điểm được tính hưởng	Loại	Bậc trong ngạch/ chức danh	Hệ số lương	Thời gian tính hưởng	Thời gian tính nâng bậc lần sau	
1	Nguyễn Thị Hải Hà	1	Sinh lý thực vật	Đại học	V.05.02.08	B	6	2.86	01/07/2023	A0	4	3.03	15/02/2025	01/07/2023	
											5	3.34	01/07/2026	01/07/2026	
2	Nguyễn Lê Hiền	1	Canh tác học	Cao đẳng	V.05.02.08	B	1	1.86	04/03/2026	A0	1	2.10	04/03/2026	04/03/2026	
3	Hoàng Xuân Tính	1	Văn phòng Khoa Nông học	Cao đẳng	V.05.02.08	B	2	2.06	01/03/2023	A0	1	2.10	15/02/2025	01/03/2023	
											2	2.41	01/03/2026	01/03/2026	
4	Nguyễn Văn Thông	2	Sinh học động vật	Đại học	V.05.02.08	B	8	3.26	01/08/2024	A0	5	3.34	15/02/2025	01/08/2024	
5	Nguyễn Đức Hưởng	3	Quản lý tài nguyên	Đại học	V.05.02.08	B	5	2.66	01/01/2024	A0	3	2.72	15/02/2025	01/01/2024	
6	Hà Văn Tú	3	Vi sinh vật	Cao đẳng	V.05.02.08	B	6	2.86	01/12/2024	A0	4	3.03	15/02/2025	01/12/2024	
7	Nông Văn Nam	4	Động lực	Thạc sĩ	V.05.02.08	B	9	3.46	01/11/2023	A0	6	3.65	15/02/2025	01/11/2023	
8	Nguyễn Bắc Tuấn	4	Xưởng Cơ Điện	Đại học	V.05.02.08	B	10	3.66	01/11/2024	A0	7	3.96	15/02/2025	15/02/2025	
9	Trần Văn Đương	4	Xưởng Cơ Điện	Đại học	V.05.02.08	B	2	2.06	01/03/2023	A0	1	2.10	15/02/2025	01/03/2023	
											2	2.41	01/03/2026	01/03/2026	
10	Kiều Văn Viên	4	Xưởng Cơ Điện	Đại học	V.05.02.08	B	8	3.26	01/04/2024	A0	5	3.34	15/02/2025	01/04/2024	
11	Nguyễn Thị Bích Liên	7	Tiếng Anh cơ bản	Đại học	V.05.02.08	B	8	3.26	01/08/2024	A0	5	3.34	15/02/2025	01/08/2024	
12	Trương Lan Oanh	9	Thú y cộng đồng	Thạc sĩ	V.05.02.08	B	6	2.86	01/07/2024	A0	4	3.03	15/02/2025	01/07/2024	
13	Lê Văn Hỗ	10	Văn phòng Khoa CNTT	Đại học	V.05.02.08	B	8	3.26	01/08/2024	A0	5	3.34	15/02/2025	01/08/2024	
14	Giang Thị Huệ	10	Văn phòng Khoa CNTT	Đại học	V.05.02.08	B	8	3.26	01/08/2023	A0	5	3.34	15/02/2025	01/08/2023	
											6	3.65	01/08/2026	01/08/2026	
15	Ngô Quang Long	20	Giáo dục quốc phòng	Đại học	V.05.02.08	B	9	3.46	01/10/2024	A0	6	3.65	15/02/2025	01/10/2024	
16	Chu Anh Hải	25	Văn phòng Học viện	Đại học	V.05.02.08	B	3	2.26	06/07/2024	A0	2	2.41	15/02/2025	06/07/2024	

STT	Họ và tên	Mã	Đơn vị	Trình độ	Mã số ngạch/ chức danh	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước ngày 15/02/2025				Xếp lương theo Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ					Ghi chú
						Loại	Bậc trong ngạch/ chức danh	Hệ số lương	Thời điểm được tính hưởng	Loại	Bậc trong ngạch/ chức danh	Hệ số lương	Thời gian tính hưởng	Thời gian tính nâng bậc lần sau	
17	Cao Minh Long	26	Ban Cơ sở vật chất và Đầu tư	Đại học	V.05.02.08	B	2	2.06	24/09/2024	A0	1	2.10	15/02/2025	01/12/2023	
18	Hoàng Khắc Sơn	26	Ban Cơ sở vật chất và Đầu tư	Đại học	V.05.02.08	B	3	2.26	01/07/2025	A0	2	2.41	12/02/2026	01/07/2025	Có bằng Đại học ngày 12/02/2026
19	Phùng Thị Hạnh	38	Tổ Cảnh quan và Môi trường	Đại học	V.05.02.08	B	6	2.86	01/10/2023	A0	4	3.03	15/02/2025	01/10/2023	
20	Lưu Quang Hưng	38	Tổ KTX Sinh viên	Cao đẳng	V.05.02.08	B	8	3.26	01/01/2024	A0	5	3.34	15/02/2025	01/01/2024	
21	Nguyễn Thị Bình	38	Tổ Giảng đường	Đại học	V.05.02.08	B	9	3.46	01/08/2024	A0	6	3.65	15/02/2025	01/08/2024	
22	Lê Văn Thực	38	Tổ Giảng đường (Tổ Kỹ thuật)	Đại học	V.05.02.08	B	7	3.06	01/12/2024	A0	5	3.34	15/02/2025	15/02/2025	
23	Nguyễn Hữu Bằng	38	Tổ Giảng đường (Tổ Kỹ thuật)	Thạc sĩ	V.05.02.08	B	7	3.06	01/04/2024	A0	5	3.34	15/02/2025	15/02/2025	
24	Nguyễn Thị Thanh Bình	30	TT Thông tin Thư viện Lương Định Của	Cao đẳng	V.05.02.08	B	9	3.46	01/10/2024	A0	6	3.65	15/02/2025	01/10/2024	
25	Lê Hồng Giang	30	TT Thông tin Thư viện Lương Định Của	Thạc sĩ	V.05.02.08	B	9	3.46	01/10/2024	A0	6	3.65	15/02/2025	01/10/2024	
26	Trần Thị Kim Anh	34	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp	Cao đẳng	V.05.02.08	B	3	2.26	01/01/2024	A0	2	2.41	15/02/2025	01/01/2024	
27	Lê Đức Tuân	65	Trung tâm Ngoại ngữ và Đào tạo quốc tế	Đại học	V.05.02.08	B	8	3.26	01/10/2023	A0	5	3.34	15/02/2025	01/10/2023	